

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2023/HC-PT

Ngày 26 tháng 4 năm 2023

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 84/2023/TLPT-HC ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2022/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 481/2023/QĐPT-HC ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn 2, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.2 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn 2, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975, địa chỉ 118 Ngô Quyền, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo Giấy ủy quyền ngày 30/11/2021 (có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Hoàng Vũ T1 – Chủ tịch UBND thành phố V (vắng mặt, xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Nguyễn Thanh P – Viên chức, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V (có mặt).

2. Ông Trần Quang H – Viên chức, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch UBND tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2 – Chủ tịch UBND tỉnh B (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 01 Phạm Văn Đồng, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Phan Văn M – Phó giám đốc sở Tài nguyên & Môi trường (vắng mặt).

2. Bà Phạm Ngọc Y – Chuyên viên Chi cục quản lý đất đai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3.2. Bộ tư lệnh Vùng X Hải quân.

Địa chỉ : Xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T – Đại tá, Tư lệnh Vùng X Hải quân (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T - Thiếu tá, trợ lý Pháp chế Bộ tư lệnh Vùng X Hải quân, theo Giấy ủy quyền ngày 19/8/2022 (có mặt).

Người kháng cáo: Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V;
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Chủ tịch UBND tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện - ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn T và lời khai của ông Nguyễn Văn H là đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trong suốt quá trình tham gia tố tụng như sau:

Năm 2008, UBND thành phố V thu hồi đất diện tích 29.872,9m² của gia đình ông M, ông T nhưng không bồi thường, hỗ trợ. Sau khi ông M, ông T khiếu nại, ngày 18/4/2019, UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 958/QĐ-UBND với nội dung chấp nhận một phần khiếu nại của ông M, ông T về việc yêu cầu hỗ trợ bổ sung 29.872,9m² đất. Ngày 31/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 7309/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông M, ông T với số tiền 1.254.661.800đ theo bảng giá tại quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh B. Mãi đến ngày 16/6/2020, UBND thành phố V mới chi trả tiền cho gia đình ông M, ông T.

Tại thời điểm này, bảng giá đất mới theo Quyết định 38/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của UBND tỉnh đã có hiệu lực pháp luật, thay thế bảng giá đất năm 2018. Ông M, ông T cho rằng, UBND thành phố V ban hành Quyết định 7309/QĐ-UBND nhằm mục đích chạy giá đất, làm thiệt hại cho gia đình ông M, ông T. Không đồng ý ông M, ông T khiếu nại, ngày 19/8/2020 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 4082/QĐ-UBND bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông M, ông T, ông M, ông T tiếp tục khiếu nại lên tỉnh. Ngày 18/11/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4013/QĐ-UBND bác toàn bộ yêu cầu khiếu nại của ông M, ông T.

Ông M, ông T cho rằng: Việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ chậm là do lỗi của các cơ quan có trách nhiệm bồi thường gây ra.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 58 Nghị định 84/2007/NĐ-CP. *“Trường hợp do chậm chi trả hoặc chậm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ được giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP”*.

Điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP quy định: *“Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do UBND cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường...”*;

Căn cứ các quy định trên, toàn bộ 29.872,9m² đất của ông M, ông T bị thu hồi năm 2008 phải được hỗ trợ theo giá đất tại thời điểm chi trả tiền hỗ trợ. Các Quyết định 7309/QĐ-UBND của UBND thành phố V và các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố V, của Chủ tịch UBND tỉnh B là không đúng quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông M, ông T. Ông M, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định:

- Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B;
- Quyết định số 4082/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V;
- Quyết định số 7309/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố V;

Tại văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện - người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố V và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố V - ông Trần Quang H như sau :

Thực hiện Quyết định 958/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn T. Ngày 21/8/2019, Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư thành phố Vũng Tàu họp xét duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho 3 hộ dân thuộc công trình: Căn cứ Hải quân tại xã Long Sơn, trong đó có hộ ông M và ông T. Theo đó áp dụng đơn giá hỗ trợ theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh B.

Ngày 31/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 7309/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho ông M và ông T là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông

Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T.

Chủ tịch UBND tỉnh B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày:

Năm 2007, gia đình ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn T bị thu hồi 154.458,9m² để đầu tư xây dựng công trình căn cứ Hải quân. Ngày 03/8/2008 UBND thành phố ban hành Quyết định 3538/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường cho ông M 30.000m² đất nông nghiệp, không bồi thường 124.458,9m² đất nông nghiệp do nằm ngoài hạn mức đất giao và ngoài diện tích đăng ký.

Ngày 03/9/2008, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn T làm đơn khiếu nại Quyết định 3538/QĐ-UBND về giá đất và yêu cầu bồi thường theo định suất riêng của mỗi người. Ngày 29/4/2009, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 1992/QĐ-UBND chấp nhận một phần khiếu nại của ông T đối với việc bồi thường 30.000m² đất nông nghiệp theo định suất riêng, bác yêu cầu khiếu nại về giá đất. Cùng ngày 29/4/2009, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 1991/QĐ-UBND bác toàn bộ khiếu nại của ông Nguyễn Văn M về yêu cầu bồi thường toàn bộ đất bị thu hồi và áp lại giá đất. Ông M tiếp tục khiếu nại lên tỉnh.

Ngày 07/12/2009, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định 4095/QĐ-UBND bác toàn bộ khiếu nại của ông Nguyễn Văn M khiếu nại Quyết định 3538/QĐ-UBND. Ông M, ông T tiếp tục khiếu nại. Ngày 18/4/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định 958/QĐ-UBND, theo đó thu hồi hủy bỏ Quyết định 4095/QĐ-UBND ngày 07/12/2009 và công nhận một phần khiếu nại của ông M, ông T theo hướng hỗ trợ một lần giá đất nông nghiệp đối với diện tích 29.872,9m² đất nông nghiệp cho ông M, ông T.

Ngày 31/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 7309/QĐ-UBND phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung cho ông M, ông T đối với 29.872,9 m² đất bị thu hồi nhưng chưa được bồi thường, với đơn giá theo quy định tại Quyết định 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh với giá 42.000đ/m². Quyết định giải quyết khiếu nại 4013/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành đúng quy định của pháp luật. Nội dung khiếu kiện về áp dụng đơn giá đất theo Quyết định 38/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của UBND tỉnh theo yêu cầu của ông M, ông T là không có căn cứ đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của ông M, ông T.

Đại diện Bộ tư lệnh Vùng X Hải quân trình bày:

Năm 2019, UBND thành phố V trao đổi với Bộ tư lệnh Vùng X Hải quân về kinh phí hỗ trợ bổ sung cho các hộ dân có đất bị thu hồi. Tuy nhiên, do tổng kinh phí dự án đã được Bộ quốc phòng phê duyệt và quyết toán xong từ lâu, nên phải xin ý kiến của Bộ quốc phòng, mãi đến tháng 6 năm 2020 Bộ quốc phòng mới cấp kinh phí bổ sung để chi trả hỗ trợ bổ sung cho dân. Lỗi chi trả chậm là do thủ tục kéo dài.

Tại Bản án số 87/2022/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, hủy các quyết định:

- Quyết định 7309/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V. Về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho ông Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, địa chỉ Thôn 2, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu thuộc công trình Căn cứ Hải quân tại xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu.

- Quyết định 4082/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V. Về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn M, địa chỉ Thôn 2, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu.

- Quyết định 4013/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn M, địa chỉ Thôn 2, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu (lần hai).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/9/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B kháng cáo toàn bộ Bản án số 87/2022/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2022/HC-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2022, người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V kháng cáo toàn bộ bản án số 87/2022/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông M, ông T, giữ nguyên các Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND thành phố V và Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh B bị khiếu kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút yêu cầu khởi kiện, người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không rút yêu cầu kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố V trình bày nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn T. Lý do, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố V đã ban hành các Quyết định là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày kháng cáo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và về nội dung đúng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn T.

- Ông Nguyễn Văn H - đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Ông M và ông T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân Thành phố V, vì cho rằng Quyết định số 7309/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 ban hành sai thẩm quyền, không lấy ý kiến của người dân, giá đất không đúng theo thời điểm chi trả tiền bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố V tranh luận: Quyết định 7309/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho ông Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T được ban hành đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố V.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày tại yêu cầu kháng cáo, không tranh luận gì thêm.

-Người đại diện theo ủy quyền của ông Hải, ông T tranh luận: Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 7309/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố V ban hành theo bảng giá tại Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh B nhưng mãi đến ngày 16/6/2020, UBND thành phố V mới chi trả tiền cho gia đình ông M, ông T. Tại thời điểm này, bảng giá đất mới theo Quyết định 38/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của UBND tỉnh đã có hiệu lực pháp luật thay thế bảng giá đất năm 2018 với giá cao hơn nhiều. Tại thời điểm ban hành quyết định 7307 thì phía Hải Quân chưa chuyển tiền cho UBND, nên việc ban hành quyết định trên là sai. Việc chậm chi trả tiền cho ông M, ông T là do lỗi của UBND, không phải lỗi của ông M và ông T. Yêu cầu khởi kiện của ông M, ông T là hoàn toàn có cơ sở theo qui định tại điểm b khoản 4 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP; khoản 2 Điều 4 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện theo ủy quyền của Bộ tư lệnh Vùng X Hải quân trình bày tranh luận: Bộ tư lệnh Vùng X Hải quân vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trước đây. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch UBND tỉnh B, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 87/2022/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hợp lệ, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định sau: Quyết định hành chính số 7309/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc phê duyệt Phương án hỗ trợ (bổ sung) đối với ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn T; Quyết định 4082/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn M; Quyết định 4013/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Văn M.

Đây là các khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[4] Về kháng cáo của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4.1] Xét tính hợp pháp của quyết định bị khiếu kiện - về thẩm quyền: Tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013 qui định về thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính về phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) là thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7309/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn T thuộc công trình Căn cứ Hải quân tại xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu là không đúng thẩm quyền.

[4.2] Xét tính hợp pháp của quyết định bị khiếu kiện - về nội dung:

[4.2.1]. Diện tích đất 29.872,9m² của ông M, ông T nằm trong tổng 400.000m² đất bị thu hồi làm Căn cứ Hải quân tại xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu theo Quyết định 1492/QĐ-UBND ngày 23/4/2007. Năm 2007, UBND thành phố V thu hồi toàn bộ diện tích đất trên của gia đình ông M, ông T nhưng không bồi thường, hỗ trợ. Sau khi ông M, ông T khiếu nại, ngày 18/4/2019, UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 958/QĐ-UBND chấp nhận một phần khiếu nại của ông M, ông T về việc hỗ trợ bổ sung đối với 29.872,9m² đất. Ngày 31/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 7309/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông M, ông T với số tiền

1.254.661.800đ theo bảng giá tại Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh B.

[4.2.2]. Xét thấy, diện tích đất 29.872,9m² đất của ông M, ông T bị thu hồi từ năm 2007 nên phải áp dụng các quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm năm 2007. Chủ tịch UBND thành phố V áp dụng giá đất tại thời điểm phê duyệt kinh phí là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi làm việc với Bộ tư lệnh Vùng X Hải quân, Bộ tư lệnh Vùng X Hải quân trả lời chưa có kinh phí hỗ trợ, nhưng ngày 31/12/2019 Chủ tịch UBND thành phố V vẫn ban hành Quyết định 7309/QĐ-UBND phê duyệt phương án hỗ trợ và áp dụng đơn giá theo Quyết định 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh B, dẫn đến khi có quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ nhưng không có tiền, mãi đến ngày 16/6/2020 mới tiến hành chi trả cho ông M, ông T.

[4.2.3]. Việc chậm ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) và chậm chi trả tiền hỗ trợ (bổ sung) cho ông M, ông T đối với 29.872,9m² đất là lỗi do các cơ quan có trách nhiệm bồi thường, đã gây thiệt hại đến quyền lợi ích hợp pháp của ông M, ông T. Cụ thể, ngày 16/6/2020 mới tiến hành chi trả tiền cho ông M, ông T thì thời điểm này Bảng giá đất được ban hành kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh B đã có hiệu lực thi hành (áp dụng từ ngày 01/01/2020) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng ông M, ông T chỉ nhận được tiền hỗ trợ theo Bảng giá đất được ban hành kèm theo Quyết định 33/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh B với giá đất thấp hơn nhiều lần.

[4.2.4]. Thời điểm thu hồi đất của ông M, ông T thì Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ đang có hiệu lực thi hành. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP; khoản 2 Điều 4 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP thì trường hợp do chậm chi trả hoặc chậm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi.

[4.2.5]. Do Quyết định 7309/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố V ban hành không đúng về thẩm quyền, phê duyệt phương án hỗ trợ khi chưa có kinh phí, dẫn đến chậm chi trả làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M, ông T, do đó Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, ông T hủy quyết định 7309 để người bị kiện ban hành lại theo đúng quy định của pháp luật như đã phân tích trên là có cơ sở.

[4.3]. Đối với các Quyết định giải quyết khiếu nại: Như đã phân tích trên, Quyết định 7309/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố V là trái quy định của

pháp luật, phải hủy để UBND thành phố V ban hành lại, nên quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 4082/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 4013/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về giải quyết khiếu nại của ông M, ông T đối với Quyết định 7309/QĐ-UBND là không đúng quy định của pháp luật, cần phải hủy.

[4.4] Từ sự phân tích từ mục [4] đến [4.3], Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2022/HC-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã giải quyết chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Tại cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch UBND tỉnh B không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch UBND tỉnh B.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch UBND tỉnh B, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 87/2022/HC-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo hướng bác yêu cầu của người khởi kiện. Như đã phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật, cần giữ nguyên.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch UBND tỉnh B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm (về án phí hành chính sơ thẩm) không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 58 Nghị định 84/2007/NĐ-CP; điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Chủ tịch UBND tỉnh B, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 87/2022/HC-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn T, hủy các quyết định:

- Quyết định 7309/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND thành

phố V. Về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho ông Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, địa chỉ Thôn 2, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu thuộc công trình Căn cứ Hải quân tại xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu.

- Quyết định 4082/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V. Về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn M, địa chỉ Thôn 2, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu.

- Quyết định 4013/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn M, địa chỉ Thôn 2, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu (lần hai).

1.2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch UBND thành phố V phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn lại 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn M theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000090 ngày 17/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và Chủ tịch UBND tỉnh B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) Chủ tịch UBND thành phố V đã nộp theo biên lai thu số 0000434 ngày 30/9/2022 tại cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) Chủ tịch UBND tỉnh B đã nộp theo biên lai thu số 0000464 ngày 10/10/2022 tại cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi cân trừ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch UBND tỉnh B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (1);
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa